TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2020/QĐST-HNGĐ	*TD, ngày 03 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUHẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 297/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Ánh T, sinh năm 1986;

Bị đơn: Anh Lăng Xuân B, sinh năm 1986;

Đều cư trú tại: Thôn G, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58,81,82,83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27/12/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27/12/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lưu Thị Ánh T và Anh Lăng Xuân B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Lưu Thị Ánh T và Anh Lăng Xuân B thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về con chung: Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lăng Ánh Bảo C, sinh ngày 12/11/2012 và cháu Lăng Trí D, sinh ngày 25/7/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T, anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về chia tài sản, nợ chung: Chị T và anh B không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị T tự nguyện nộp án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0003025 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD. Chị T được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân xã ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Hoài